

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của các công trình cấp nước nông thôn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Ngãi quản lý, vận hành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

Căn cứ Nghị định 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu, thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thuế suất tài nguyên;

Căn cứ Quyết định số 14/2004/QĐ-BXD ngày 14/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức dự toán công tác sản xuất nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán sản suất nước sạch và quản lý vận hành mạng lưới cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND

tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 231/SNNPTNT ngày 07/02/2017 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 701/STC-QLGCS ngày 15/3/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án giá và quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của các công trình cấp nước nông thôn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Ngãi quản lý, vận hành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch của các công trình cấp nước do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi quản lý, vận hành; như sau:

1. Nội dung chủ yếu:

- a) Sản lượng nước sản xuất: 735.475 m³/năm;
- b) Tỷ lệ hao hụt tiêu thụ nước tính theo mức bình quân thực tế: 22%;
- c) Sản lượng nước thương phẩm: 573.670 m³/năm;
- d) Giá tiêu thụ bình quân (đã bao gồm thuế VAT): 6.136 đồng/m³.

2. Giá tiêu thụ nước sạch theo từng mục đích sử dụng:

Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng/tháng		Giá tiêu thụ nước sạch hiện hành theo mục đích sử dụng đã bao gồm thuế VAT (đồng/m ³)	Hệ số	Giá tiêu thụ nước sạch điều chỉnh theo mục đích sử dụng đã bao gồm thuế VAT (đồng/m ³)
	Mức	Ký hiệu			
Sinh hoạt các hộ dân cư	Theo thực tế sử dụng	SH	5.500	0,95	5.800
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	HCSN	7.000	1,2	7.400
Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	8.800	1,5	9.200
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	DV	11.700	2,0	12.300

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Căn cứ vào tình hình thực tế quyết định giá tiêu thụ nước sạch cho các mục đích sử dụng khác ngoài giá nước sạch cho sinh hoạt và phải đảm bảo không được cao hơn mức giá tiêu thụ nước sạch của từng mục đích sử dụng theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đảm bảo cung cấp nước sạch đủ về số lượng theo phương án được duyệt và chất lượng nước phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật của ngành y tế.

3. Tổ chức thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và các khoản thu khác (nếu có) theo đúng quy định.

4. Nộp tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

Điều 3. UBND các huyện quy định giá nước và mức giá nước cụ thể đối với các công trình cấp nước tự chảy, giá nước ở các công trình cấp nước quy mô nhỏ do cộng đồng quản lý, giá nước ở khu vực nông thôn do cộng đồng quản lý, giá nước ở khu vực nông thôn do cộng đồng dân cư tự thỏa thuận bỏ vốn đầu tư sản xuất kinh doanh theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; được áp dụng từ ngày 01/4/2017 và thay thế Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của các công trình cấp nước nông thôn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Ngãi quản lý, vận hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak237.



Đặng Văn Minh